

Số: **85**/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày **29** tháng **9** năm 2023

NGHỊ QUYẾT
**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn
ngân sách Thành phố năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
KHÓA XII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THÁNG 9 NĂM 2023**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 14/04/2022; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 20/07/2022, Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 02/11/2022, Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 28/12/2022, Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 07/03/2023, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 28/4/2023 và Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 19/07/2023 của HĐND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND Thành phố về kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách Thành phố năm 2023; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 07/3/2023, Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 28/4/2023 và Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023;

Sau khi xem xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 18/9/2023 của UBND Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 494/BC-HĐND ngày 28/09/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách Thành phố năm 2023, gồm những nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh nguồn tiền sử dụng đất:

a) Điều chỉnh giảm: Số tiền 17.530 triệu đồng của 17 dự án.

b) Điều chỉnh tăng: Số tiền 17.530 triệu đồng, gồm:

- Số tiền 10.578 triệu đồng cho 23 dự án có nhu cầu bổ sung để giải ngân khối lượng thực hiện.

- Số tiền 5.050 triệu đồng cho 19 dự án điều chỉnh giảm nguồn thu huy động sang sử dụng ngân sách Thành phố.

- Số tiền 1.897 triệu đồng để bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư cho 17 dự án phê duyệt mới chủ trương đầu tư.

2. Điều chỉnh giảm nguồn vốn huy động: Giảm kế hoạch vốn tài trợ của Ngân hàng Vietinbank 5.000 triệu đồng, đối với dự án Di tích lịch sử Đài Tượng niệm Liệt sĩ Mậu Thân 1968, phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột; Hạng mục: Sửa chữa, tôn tạo khu mộ tập thể tại Km7¹.

3. Tổng kế hoạch vốn năm 2023 sau khi điều chỉnh: Tổng vốn 2.166.060 triệu đồng, trong đó đã phân bổ thực hiện các nội dung là 1.809.118 triệu đồng, vốn dự phòng là 356.942 triệu đồng.

(Theo phụ lục chi tiết đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, giao chi tiết số vốn cho các dự án khi đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, UBND Thành phố căn cứ vào tiến độ thu tiền sử dụng đất, chỉ đạo điều hành triển khai xây dựng các công trình phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo nhu cầu vốn đầu tư; trình HĐND Thành phố điều chuyển từ các dự án không đảm bảo khả năng giải ngân cho các dự án khác có nhu cầu theo quy định.

¹ Theo Công văn số 5688/UBND-CN ngày 05/7/2023 của UBND Tỉnh, Công văn số 216-CV/BCSD ngày 18/7/2023 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh và Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 1716-TB/TU ngày 08/9/2023.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và phường, xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan nêu cao vai trò giám sát đầu tư của cộng đồng, thực hiện theo chức năng được quy định tại Điều 74 và 75 của Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột khóa XII, Kỳ họp Chuyên đề Tháng 9 năm 2023 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: 

- Như điều 2;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh (báo cáo);
- TT Thành ủy (báo cáo);
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- Các phòng: TC-KH, QLĐT, Tư pháp, TNMT;
- Ban QLDA ĐTXD TP;
- TT PTQĐ TP;
- VP HĐND và UBND TP;
- TT HĐND các phường, xã;
- Lưu: VT(60b).

CHỦ TỊCH



Từ Thái Giang

Phụ lục 1:
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023
 (Kèm theo Nghị quyết số **85** /NQ-HDND ngày **19** /9/2023 của HĐND thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung phân bổ	Số vốn phân bổ năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 19/07/2023							Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn 2023				Số vốn phân bổ năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó phân theo nguồn vốn						Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó phân theo nguồn vốn						
			NS tỉnh bổ sung	NS Trung ương bổ sung	Tiền SD đất 2023	Nguồn thu chuyển nguồn Tiền SD đất năm 2022	Tăng chi ĐTPPT từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thuế, phí	Huy động, khác		Điều chỉnh tăng nguồn sử dụng đất	Điều chỉnh giảm nguồn sử dụng đất	Điều chỉnh giảm nguồn huy động		NS tỉnh bổ sung	NS Trung ương bổ sung	Tiền SD đất 2023	Nguồn thu chuyển nguồn Tiền SD đất năm 2022	Tăng chi ĐTPPT từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thuế, phí	Huy động, khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Tổng cộng	2.171.060	13.877	218.290	1.360.875	547.938	12.000	13.080	(5.000)	17.530	(17.530)	(5.000)	2.166.060	13.877	218.290	1.360.875	547.938	12.000	8.080	
I	Bố trí cho các dự án, công trình	1.405.889	13.877	218.290	750.704	397.938	12.000	13.080	(5.000)	17.530	(17.530)	(5.000)	1.400.889	13.877	218.290	750.704	397.938	12.000	8.080	
1	Dự án chuyển tiếp	386.743	10.954	-	375.789	-	-	-	(9.996)	6.952	(16.948)		376.747	10.954	-	365.793	-	-	-	
2	Dự án mở mới và Dự án chuẩn bị đầu tư (mở mới năm 2023 khi bảo đảm điều kiện)	1.004.501	2.923	218.290	360.270	397.938	12.000	13.080	5.578	10.578		(5.000)	1.010.079	2.923	218.290	370.848	397.938	12.000	8.080	
3	Các nội dung quy hoạch	14.645	-	-	14.645	-	-	-	(582)		(582)		14.063	-	-	14.063	-	-	-	
II	Bố trí chi phí đầu tư, chi phí hoàn ứng vốn từ Quỹ phát triển Nhà - Đất tỉnh và các chi phí liên quan đối với dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tạo vốn từ quỹ đất giai đoạn 2021-2025	403.229	-	-	253.229	150.000	-	-	-				403.229	-	-	253.229	150.000	-	-	
III	Bố trí để thực hiện các bản án của Tòa trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng	5.000	-	-	-	5.000	-	-	-				5.000	-	-	-	5.000	-	-	
IV	Dự phòng, gồm:	356.942	-	-	356.942	-	-	-	-	-	-	-	356.942	-	-	356.942	-	-	-	

Phụ lục 2: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGUỒN VỐN NGÂN THÀNH PHỐ KẾ HOẠCH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số **85** /NQ-HĐND ngày **19** /9/2023 của HĐND thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023 Theo các Nghị quyết HĐND Thành phố đã phân bổ						Điều chỉnh, bổ sung KHV 2023			Kế hoạch vốn năm 2023 sau khi điều chỉnh					Ghi chú
				TMBT		Tổng cộng	Trong đó phân theo nguồn vốn				Trong đó phân theo nguồn vốn									
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP		NS tính bổ sung	NSTW bổ sung	Tiền SD đất	nguồn ưu chuyển nguồn Tiền SD đất năm 2023	Huy động, khác	Điều chỉnh giảm nguồn tiền sử dụng đất	Điều chỉnh giảm nguồn huy động	Điều chỉnh tăng nguồn tiền sử dụng đất	Tổng cộng	NS tính bổ sung	NSTW bổ sung	Tiền SD đất	nguồn ưu chuyển nguồn Tiền SD đất năm 2023	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Phần I	Dự án bố trí kế hoạch vốn đầu năm			207.634	205.141	74.942	3.500	7.700	45.642	13.100	5.000	(17.530)	(5.000)	10.578	62.990	3.500	7.700	38.690	13.100	
A	Dự án chuyển tiếp			159.312	157.695	33.660	3.500	-	30.160	-	-	(16.948)	-	1.897	18.609	3.500	-	15.109	-	
I	Lĩnh vực giao thông			38.709	38.191	5.710	-	-	5.710	-	-	(1.702)	-	45	4.053	-	-	4.053	-	
1	Nâng cấp, cải tạo các trục đường buôn M'Duk, phường Ea Tam (04 trục)	Phường Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD TP	7.690	7.690	1.000			1.000			(110)			890			890		Đã QT
2	Cải tạo đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4 thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	9.051	9.051	1.500			1.500			(349)			1.151			1.151		Đã QT
3	Nâng cấp, mở rộng hẻm 126 đường Y Moan, phường Tân Lợi	Phường Tân Lợi	UBND phường Tân Lợi	5.035	4.783	490			490			(490)			-			-		Đã QT
4	Cải tạo hẻm 67 đường Thăng Long, phường Tự An	Phường Tự An	UBND phường Tự An	595	595	30			30					7	37			37		Đã QT
5	Cải tạo một số tuyến hẻm trên địa bàn phường Tự An	Phường Tự An	UBND phường Tự An	723	687	20			20					17	37			37		Đã QT
6	Đường giao thông nội Buôn Hwiê, xã Ea Kao	Xã Ea Kao	UBND xã Ea Kao	3.010	3.010	540			540			(130)			410			410		Đã QT
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông buôn Kô Tam, xã Ea Tu (02 trục)	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	2.349	2.349	200			200			(101)			99			99		Đã QT
8	Cải tạo, sửa chữa đường trục chính Thôn 6, xã Hòa Khánh	Xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh	2.304	2.304	450			450			(145)			305			305		Đã QT
9	Cải tạo đường giao thông thôn 10, xã Hòa Thắng (02 trục)	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	991	991	20			20					21	41			41		Đã QT
10	Đường giao thông buôn Ea Chu Kap, xã Hòa Thắng (05 trục)	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	4.612	4.382	1.260			1.260			(277)			983			983		Đã QT
11	Cải tạo đường liên xã từ buôn Buôr, xã Hòa Xuân đến giáp xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	Xã Hòa Xuân	UBND xã Hòa Xuân	2.349	2.349	200			200			(100)			100			100		Đã QT
II	Lĩnh vực giáo dục			28.564	27.536	6.340	3.500	-	2.840	-	-	(2.254)	-	432	4.518	3.500	-	1.018	-	
1	Nhà lớp học 08 phòng trường TH Trần Quốc Tuấn	Phường Khánh Xuân	Ban QLDA ĐTXD TP	3.731	3.545	140			140			(140)			-			-		Đã QT
2	Nhà bộ môn 06 phòng trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Tân An	UBND phường Tân An	3.617	3.256									167	167			167		Đã QT
3	Trường THCS Đào Duy Từ, hạng mục: Nhà bộ môn 06 phòng và sân, cổng trường	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân	5.616	5.335									265	265			265		Đã QT
4	Trường TH Nguyễn Viết Xuân, hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng, nhà bộ môn 04 phòng, nhà bếp ăn, nhà bán trú, nhà vệ sinh và HTKT	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP	13.000	12.800	5.500	3.500		2.000			(2.000)			3.500	3.500		-		Đang xem xét chấm dứt Hợp đồng
5	Trường Mầm non Tân Lợi, Hạng mục: Nhà bếp, khu GD thể chất, nhà để xe và HTKT khác	Phường Tân Lợi	UBND phường Tân Lợi	2.600	2.600	700			700			(114)			586			586		Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023 Theo các Nghị quyết HĐND Thành phố đã phân bổ						Điều chỉnh, bổ sung KHV 2023			Kế hoạch vốn năm 2023 sau khi điều chỉnh					Ghi chú
				TMDT		Tổng cộng	Trong đó phân theo nguồn vốn				Trong đó phân theo nguồn vốn									
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP		NS tỉnh bổ sung	NSTW bổ sung	Tiền SD đất	nguồn ưu chuyển Tiền SD đất năm 2022	Huy động, khác	Điều chỉnh giảm nguồn tiền sử dụng đất	Điều chỉnh giảm nguồn huy động	Điều chỉnh tăng nguồn tiền sử dụng đất	Tổng cộng	NS tỉnh bổ sung	NSTW bổ sung	Tiền SD đất	nguồn ưu chuyển Tiền SD đất năm 2022	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
III	Lĩnh vực quản lý nhà nước			36.227	36.156	4.610	-	-	4.610	-	-	(392)	-	416	4.634	-	-	4.634	-	
1	Nâng cấp, cải tạo nhà ăn, nhà bếp; sửa chữa Sở chỉ huy, công, hàng rào Ban chỉ huy quân sự thành phố	Phường Thắng Lợi	Ban CHQS thành phố	1.689	1.689	90			90					20	110			110		Đã QT
2	Nhà trực sẵn sàng chiến đấu và Hội trường huấn luyện tại Thao trường 559, xã Cư Êbur	Xã Cư Êbur	Ban CHQS thành phố	897	897	80			80					17	97			97		Đã QT
3	Bổ sung một số thiết bị cho hệ thống hội nghị trực tuyến từ thành phố đến 21 xã, phường	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	17.821	17.821	2.340			2.340					182	2.522			2.522		Đã QT
4	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	11.481	11.481	1.760			1.760			(279)			1.481			1.481		Đã QT
5	Cải tạo nhà làm việc, làm mới nhà vệ sinh Trụ sở làm việc 27 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Tân Lợi	Ban QLDA ĐTXD TP	1.116	1.116	230			230			(113)			117			117		Đã QT
6	Hội trường tổ dân phố 2, phường Thành Công			1.428	1.357									182	182			182		Đã QT
7	Nhà làm việc UBND phường Tân Thành (06 phòng, 2 tầng)	Phường Tân Thành	UBND phường Tân Thành	1.795	1.795	110			110					15	125			125		Đã QT
IV	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật khác			55.812	55.812	17.000	-	-	17.000	-	-	(12.600)	-	1.004	5.404	-	-	5.404	-	
1	Tiểu hoa viên cây xanh điểm dân cư trung tâm khu dân cư Km4-Km5, phường Tân An (4,3ha)	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP	3.834	3.834	400			400					34	434			434		Đã QT
2	Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng công cộng tại các xã trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	46.046	46.046	15.000			15.000			(11.000)			4.000			4.000		Đầu thầu giám, Đang ký kết hợp đồng
3	Xây dựng khung chính trang giàn hoa giấy trên dải phân cách đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	5.932	5.932	1.600			1.600			(1.600)			-			-		
4	Hợp phần BMT 1 - Gói thầu: Bãi rác Hòa Phú và Gói thầu thiết bị	Xã Hòa Phú	Công ty CP ĐT Đắk Lắk											970	970			970		Đang trình QT
B	Dự án khởi công mới			44.355	43.479	40.700	-	7.700	14.900	13.100	5.000	-	(5.000)	8.681	44.381	-	7.700	23.581	13.100	
I	Lĩnh vực giao thông			17.500	16.881	11.800	-	-	-	11.800	-	-	-	3.880	15.680	-	-	3.880	11.800	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Vạn Xuân, phường Tân Thành	Phường Tân Thành	UBND phường Tân Thành	9.800	9.506	6.700				6.700				2.000	8.700			2.000	6.700	Dự kiến hoàn thành 2023
2	Sửa chữa, cải tạo đường từ Buôn Krông B đi Phường Tân Hòa	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	1.200	1.200	800				800				380	1.180			380	800	Hoàn thành
3	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi khu sản xuất và chăn nuôi, xã Hòa Thuận	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	6.500	6.175	4.300				4.300				1.500	5.800			1.500	4.300	Hoàn thành
II	Lĩnh vực thủy lợi			7.500	7.500	5.300	-	-	5.300	-	-	-	-	1.500	6.800	-	-	6.800	-	
1	Kiến cổ hóa hệ thống kênh sau đập Thống Nhất, phường Khánh Xuân	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân	7.500	7.500	5.300			5.300					1.500	6.800			6.800		Dự kiến hoàn thành 2023
III	Lĩnh vực giáo dục			11.176	11.176	7.700	-	7.700	-	-	-	-	-	2.300	10.000	-	7.700	2.300	-	
1	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa sân, tường rào và khu giáo dục thể chất	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân	1.050	1.050	700		700						300	1.000		700	300		Hoàn thành
2	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân	4.626	4.626	3.300		3.300						1.000	4.300		3.300	1.000		Dự kiến hoàn thành 2023
3	Trường Tiểu học Trần Cao Vân; Hạng mục: Khu bếp ăn, nhà bán trú và cải tạo 05 phòng học	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân	5.500	5.500	3.700		3.700						1.000	4.700		3.700	1.000		Dự kiến hoàn thành 2023

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023 Theo các Nghị quyết HĐND Thành phố đã phân bổ						Điều chỉnh, bổ sung KHV 2023			Kế hoạch vốn năm 2023 sau khi điều chỉnh					Ghi chú
				TMDT		Tổng cộng	Trong đó phân theo nguồn vốn								Tổng cộng	Trong đó phân theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP		NS tỉnh bổ sung	NSTW bổ sung	Tiền SD đất	nguồn ưu chuyển nguồn Tiền SD đất năm 2022	Huy động, khác	Điều chỉnh giảm nguồn tiền sử dụng đất	Điều chỉnh giảm nguồn huy động	Điều chỉnh tăng nguồn tiền sử dụng đất		NS tỉnh bổ sung	NSTW bổ sung	Tiền SD đất	nguồn ưu chuyển nguồn Tiền SD đất năm 2022	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
IV	Lĩnh vực quản lý nhà nước			8.179	7.922	5.900	-	-	4.600	1.300	-	-	-	1.001	6.901	-	-	5.601	1.300	
1	Xây dựng Trung tâm Điều hành Giám sát Camera tập trung thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Công an thành phố	4.201	4.201	3.200			3.200					101	3.301			3.301		Đã QT
2	Hội trường Tổ dân phố 5, phường Tân Hòa	Phường Tân Hòa	UBND phường Tân Hòa	1.150	1.093	800			800					250	1.050			1.050		Hoàn thành
3	Hội trường Tổ dân phố 3, phường Tân Lợi	phường Tân Lợi	UBND phường Tân Lợi	1.100	990	700				700				250	950			250	700	Dự kiến hoàn thành 2023
4	Cải tạo, sửa chữa hội trường các Tổ dân phố 1, 6 và 10 phường Tân Lợi	phường Tân Lợi	UBND phường Tân Lợi	900	810	600				600				200	800			200	600	Hoàn thành
5	Cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã EaTu	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	828	828	600			600					200	800			800		Hoàn thành
V	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật khác					10.000	-	-	5.000	-	5.000	-	(5.000)	-	5.000	-	-	5.000	-	
1	Di tích lịch sử Đài Tưởng niệm Liệt sỹ Mậu Thân 1968, phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột; Hạng mục: Sửa chữa, tôn tạo khu mộ tập thể tại Km7	Phường Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD TP	14.969	14.969	10.000			5.000		5.000		(5.000)		5.000			5.000		
C	Các nội dung quy hoạch			3.967	3.967	582	-	-	582	-	-	(582)	-	-	-	-	-	-	-	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	TP. BMT	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3.425	3.425	490			490			(490)			-			-		Do đầu thầu giám KT; đang nghiệm thu
2	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Phòng Tài nguyên và Môi trường	542	542	92			92			(92)			-			-		Không thực hiện

Phụ lục 3: BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN 2023 ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỶ LỆ VỐN HUY ĐỘNG

(Kèm theo Nghị quyết số **85** /NQ-HĐND ngày **29** /9/2023 của HĐND thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán - nếu có)		Bổ sung kế hoạch vốn năm 2023 (nguồn tiền sử dụng đất 2023)	Ghi chú
				TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách TP		
	TỔNG CỘNG			130.304	128.787	5.055	
1	Nhà lớp học 8 phòng, Nhà hiệu bộ 6 phòng, Nhà bộ môn 6 phòng trường THCS Hùng Vương	Phường Tự An	Ban QLDA ĐTXD	10.019	9.646	629	
2	Nhà lớp học 10 phòng THCS Đoàn Kết, xã Hòa Khánh	Xã Hòa Khánh	Ban QLDA ĐTXD	5.915	5.734	115	
3	Trường TH Nguyễn Viết Xuân; hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng, nhà bộ môn 04 phòng, nhà bếp ăn, nhà bán trú, nhà vệ sinh và HTKT	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD	13.000	13.000	200	
4	Trường tiểu học Phan Chu Trinh, hạng mục: Nhà bếp, nhà ăn, nhà bán trú và phòng bộ môn; sửa chữa, cải tạo các dãy nhà lớp học cũ và HTKT	Phường Thắng Lợi	Ban QLDA ĐTXD	10.400	10.400	520	
5	Nhà lớp học 10 phòng trường THCS Hòa Khánh	Xã Hòa Khánh	Ban QLDA ĐTXD	6.000	5.903	203	
6	Nhà lớp học 5 phòng, nhà làm việc 3 phòng trường Mầm non Hoa Pơ Lang	Phường Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD	5.500	5.500	550	
7	Trường Tiểu học Tô Hiệu; HM: Nhà lớp học 10 phòng, nhà ăn nhà bán trú, nhà bếp	Phường Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD	13.000	13.000	200	
8	Nâng tầng Nhà lớp học 04 phòng, trường Mầm non Tân Hòa	Phường Tân Hòa	UBND phường Tân Hòa	3.000	3.000	150	
9	Cải tạo, sửa chữa đường Mậu Thân, phường Tân Hòa	Phường Tân Hòa	UBND phường Tân Hòa	1.970	1.961	89	
10	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Tổ dân phố 6, phường Thành Nhất (Từ đầu đường Tạ Quang Bửu đến Chùa Phổ Đà và đến giao với đường Nguyễn Phúc Chu)	Phường Thành Nhất	UBND phường Thành Nhất	8.000	8.000	400	
11	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Đình Phùng (đoạn từ Lê Lai đến Trần Phú) và hẻm 51A Phan Đình Phùng, phường Thành Nhất – giai đoạn 1	Phường Thành Nhất	UBND phường Thành Nhất	6.400	6.380	300	
12	Cải tạo đường giao thông A4, A6 tại buôn Đưng, xã Cư Êbur	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur	2.500	2.500	125	
13	Trường Tiểu học Bé Văn Đàn; Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur	4.400	4.400	200	
14	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi thôn 5, xã Hòa Phú (giai đoạn 1)	Xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú	14.000	13.739	439	
15	Trường Tiểu học Phú Thái; Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng	Xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú	6.600	6.540	240	
16	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh; Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	5.600	5.320	280	
17	Đường giao thông buôn Ea Chu Kap, xã Hòa Thắng (05 trục)	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	5.000	4.965	215	
18	Trường Mầm non Hoà Thuận; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và tường rào	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	4.000	3.900	100	
19	Trường Tiểu học Lê Đại Hành; Hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng và 04 phòng chức năng	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	5.000	4.900	100	

Phụ lục 4: DANH MỤC CÔNG TRÌNH BỐ TRÍ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số **85** /NQ-HĐND ngày **29** /9/2023 của HĐND thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm	Đơn vị	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Bổ sung kế hoạch vốn năm 2023 (nguồn tiền sử dụng đất 2023)	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
	Tổng cộng			210.868	210.868	210.868	1.897	
I	Lĩnh vực An ninh			24.585	24.585	24.585	200	
1	Cải tạo và xây mới các hạng mục công trình của Công an thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Tân Lợi	Công an Thành phố	10.000	10.000	10.000	80	
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm điều hành giám sát camera tập trung và lắp đặt camera thông minh trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Công an Thành phố	14.585	14.585	14.585	120	
II	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế			166.513	166.513	166.513	1.477	
1	Nâng cấp vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật đường Trường Chinh và các đoạn nối với đường Nguyễn Tất Thành	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	50.230	50.230	50.230	400	
2	Cải tạo, tổ chức 04 nút giao thông trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	17.288	17.288	17.288	140	
3	Thí điểm hệ thống chiếu sáng thông minh đường Nguyễn Tất Thành	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	4.600	4.600	4.600	50	
4	Thí điểm hệ thống chiếu sáng thông minh đường Phan Chu Trinh	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	4.068	4.068	4.068	50	
5	Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 6, phường Tân An	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP	6.500	6.500	6.500	70	
6	Chiếu sáng mỹ thuật cầu cạn đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Tự An	Ban QLDA ĐTXD TP	21.950	21.950	21.950	150	
7	Cải tạo, nâng cấp đường Cao Đạt và đường Ysom Niê, phường Tân Lập	Phường Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD TP	23.877	23.877	23.877	200	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Đơn vị	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Bổ sung kế hoạch vốn năm 2023 (nguồn tiền sử dụng đất 2023)	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
8	Xây dựng CSHT khu tái định cư Buôn Păn Lăm, phường Tân Lập (giai đoạn 2)	Phường Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD TP	13.300	13.300	13.300	150	
9	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Trác, phường Tân Lợi (Giai đoạn 1)	Phường Tân Lợi	UBND phường Tân Lợi	9.000	9.000	9.000	70	
10	Đường số 3 và thông tuyến Đường số 15, Khu đô thị mới Trung tâm phường Tân Lợi	Phường Tân Lợi	UBND phường Tân Lợi	13.200	13.200	13.200	147	
11	Cửa xả thoát nước đường Y Moan Ê Nuôl và đường Hoàng Thế Thiện, phường Tân Lợi	Phường Tân Lợi	UBND phường Tân Lợi	2.500	2.500	2.500	50	
III	Lĩnh vực quản lý nhà nước			8.470	8.470	8.470	110	
1	Nâng cấp, thay thế 02 thang máy và cải tạo hệ thống chiếu sáng Trụ sở liên cơ quan thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Thắng Lợi	Ban QLDA ĐTXD TP	7.270	7.270	7.270	60	
2	Nhà hội trường tổ dân phố 7 phường Khánh Xuân	Phường Khánh Xuân	UBND phường Khánh Xuân	1.200	1.200	1.200	50	
IV	Lĩnh vực phát thanh			7.800	7.800	7.800	60	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại các xã trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	7.800	7.800	7.800	60	
V	Lĩnh vực khác			3.500	3.500	3.500	50	
1	Khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao công cộng ngoài trời kết hợp vườn hoa phục vụ cộng đồng và điểm checkin cho khách tham quan xã Hòa Thuận	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	3.500	3.500	3.500	50	